

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 55/2023/HS-ST

Ngày: 12 – 12 – 2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Văn Hiến.

+ Ông Nguyễn Tấn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Triều – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Đức Bình Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Trịnh Thị T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 11/02/1995 tại Sông C, Phú Yên. Nơi cư trú: Khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số thẻ CCCD: 054195002154, ngày cấp: 13/7/2023, nơi cấp: Cục C về TTXH – Bộ C1. Con ông Trịnh Văn Đ, sinh năm 1968 và bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1971; chồng: Huỳnh Văn A (đã ly hôn); con: 03 người, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2023.

Tiền án: Ngày 10/3/2021, bị Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo bản án

hình sự sơ thẩm số 07/2021/HSST, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 19/01/2022.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07/5/2023 đến ngày 12/5/2023 được huỷ bỏ biện pháp tạm giữ và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** anh Lê Phạm Tùng S, sinh năm 1986; Nơi cư trú: thôn L, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 30/4/2023, Trịnh Thị T (có 01 tiền án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy) đến 01 quán bar tại thành phố T, tỉnh Phú Yên mua 02 bì nilon chứa ma túy đá với số tiền 500.000 đồng từ một người thanh niên (không xác định được nhân thân, lai lịch). Sau đó T đem 02 bì ma túy cất giấu tại nhà của T thuộc khu phố D, phường X, thị xã S. Khoảng 21 giờ 50 phút ngày 07/5/2023, T lấy băng keo đen quấn bên ngoài 02 bì nilon chứa ma túy rồi cầm 02 bì ma túy này đi ra khỏi nhà tìm nơi vắng người để sử dụng. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, khi T đang đi trên đường bê tông khu phố D cách nhà Thờ khoảng 50 mét thì bị Công an thị xã S kiểm tra bắt quả tang. Trong lúc bị bắt giữ thì T vùng vẫy, vứt bỏ 02 bì ma túy xuống đường cách vị trí T đứng khoảng 02 mét. Quá trình điều tra, Trịnh Thị T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội (BL số 01 – 04, 11 – 20, 105 – 120).

Tại Bản Kết luận giám định số 191/KL-KTHS ngày 11/5/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh P kết luận: Tinh thể màu trắng (ký hiệu A₁) trong bì nilon trong suốt hàn kín là ma túy, có khối lượng 0,092 gam, loại Methamphetamine. Tinh thể màu trắng (ký hiệu A₂) trong bì nilon trong suốt hàn kín là ma túy, có khối lượng 0,088 gam, loại Methamphetamine (BL số 24 – 29).

Tại bản Cáo trạng số 52/CT-VKSSC ngày 01/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu truy tố bị cáo Trịnh Thị T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trịnh Thị T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời và lo cho con nhỏ.

Kiểm sát viên trình bày luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng số 52/CT-VKSSC ngày 01/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị HĐXX: Áp dụng: điểm a, c khoản 1 Điều 249, điểm n, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Trịnh Thị T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, xử phạt bị cáo Trịnh Thị T 01 năm 6 tháng tù đến năm 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/5/2023 đến ngày 12/5/2023.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tuyên tịch thu tiêu huỷ 01 mảnh băng dính màu đen (dùng quấn nguy trang ma túy) và 01 bì niêm phong, mặt trước bì niêm phong có ghi: “ Hoàn trả cho Cơ quan CSĐT Công an thị xã S, tỉnh Phú Yên: A1 = 0,052 (g) Methamphetamine, A2 = 0,076 (g) Methamphetamine còn lại theo Kết luận giám định số 191/KL – HTHS ngày 11/5/2023”. Mặt sau bì niêm phong có hình dấu Phòng K1 Công an tỉnh P, chữ ký ghi tên Phan Đức K và chữ ký ghi tên Nguyễn Minh H; trả lại cho bị cáo Trịnh Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đỏ, gắn sim số 0825365146, 0326806546. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/11/2023 giữa Cơ quan Thi hành án dân sự thị xã S và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã S.

Về án phí: buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Đối với người thanh niên bán ma túy cho Trịnh Thị T do không rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã S không có cơ sở để xác minh, xử lý, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã S, Điều tra viên, VKSND thị xã Sông Cầu và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Phạm Tùng S có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX xét thấy, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có lời khai tại hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của anh S không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử theo thủ tục chung.

[2] Lời khai nhận tội của của bị cáo Trịnh Thị T tại Cơ quan điều tra, tại biên bản hỏi cung bị cáo ngày 30/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL01), biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ (BL02), biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 07/5/2023, bản ảnh, kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 22 giờ ngày 07/5/2023, tại khu vực đường bê tông thuộc khu phố D, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, Trịnh Thị T (có 01 tiền án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy) có hành vi cất giấu bất hợp pháp 02 bì ma túy với tổng khối lượng 0,18 gam loại Methamphetamine không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất chất ma túy thì bị Công an thị xã S bắt quả tang. Hành vi trên đây của bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do đó, nội dung Cáo trạng số 52/CT-VKSSC ngày 01/11/2023 của VKSND thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới các chính sách, quy định của Nhà nước trong việc quản lý, cất giữ chất ma túy, bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi mình đang thực hiện bị pháp luật cấm, gây nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố ý cất giấu ma túy nhằm mục đích sử dụng thoả mãn nhu cầu của bản thân.

Bị cáo có nhân thân xấu: có 01 tiền án: ngày 10/3/2021, bị Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 19/01/2022 bị cáo chấp hành xong hình phạt, đến ngày 07/5/2023 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự, bị cáo chưa được xoá án tích, thể hiện bị cáo có thái độ coi thường pháp luật, không có ý thức cải tạo, nên quyết định áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: khi phạm tội bị cáo đang mang thai; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Vật chứng vụ án:

01 (một) mảnh băng dính màu đen (dùng quấn nguy trang ma túy) không có giá trị sử dụng và 01 (một) bì niêm phong, mặt trước bì niêm phong có ghi: “Hoàn trả cho Cơ quan CSĐT Công an thị xã S, tỉnh Phú Yên: A1 = 0,052 (g) Methamphetamine, A2 = 0,076 (g) Methamphetamine còn lại theo Kết luận giám định số 191/KL – HTHS ngày 11/5/2023”. Mặt sau bì niêm phong có hình dấu Phòng K1 Công an tỉnh P, chữ ký ghi tên Phan Đức K và chữ ký ghi tên Nguyễn Minh H là vật cầm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đỏ, gắn sim số 0825365146, 0326806546 của bị cáo Trịnh Thị T không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các vấn đề khác: Đối với người thanh niên bán ma túy cho Trịnh Thị T do không rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã S không có cơ sở để xác minh, xử lý, nên HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: điểm a, c khoản 1 Điều 249, điểm n, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố: bị cáo Trịnh Thị T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

3. Xử phạt: bị cáo Trịnh Thị T 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/5/2023 đến ngày 12/5/2023.

4. Về hình phạt bổ sung: Không.

5. Về vật chứng:

Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) mảnh băng dính màu đen (dùng quấn nguy trang ma tuý) và 01 (một) bì niêm phong, mặt trước bì niêm phong có ghi: “ Hoàn trả cho Cơ quan CSĐT Công an thị xã S, tỉnh Phú Yên: A1 = 0,052 (g) Methamphetamine, A2 = 0,076 (g) Methamphetamine còn lại theo Kết luận giám định số 191/KL – HTHS ngày 11/5/2023”. Mặt sau bì niêm phong có hình dấu Phòng K1 Công an tỉnh P, chữ ký ghi tên Phan Đức K và chữ ký ghi tên Nguyễn Minh H.

Trả lại cho bị cáo Trịnh Thị T 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đỏ, gắn sim số 0825365146, 0326806546.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/11/2023 giữa Cơ quan Thi hành án dân sự thị xã S và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã S.

6. Về án phí: buộc bị cáo Trịnh Thị T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Sông Cầu;
- CQCSĐT-Công an thị xã Sông Cầu;
- CQTHAHS-Công an thị xã Sông Cầu;
- Chi cục THADS thị xã Sông Cầu;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Hà

